

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH ĐỒNG NAI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 37/2020/HNGĐ-PT

Ngày 25 - 8 - 2020

V/v tranh chấp ly hôn và nuôi con

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH ĐỒNG NAI

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Thành;

Các Thẩm phán: Ông Võ Văn Phước;

Bà Hoàng Thị Thu Minh.

- Thư ký phiên tòa: Bà Dương Thị Thùy Trinh - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Nai.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Nai tham gia phiên tòa:
Ông Phùng Đức Nam - Kiểm sát viên.

Ngày 25 tháng 8 năm 2020, tại trụ sở, Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Nai xét xử phúc thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số: 44/2020/TLPT-HNGĐ ngày 19 tháng 6 năm 2020 về việc tranh chấp ly hôn và nuôi con;

Do Bản án hôn nhân gia đình sơ thẩm số: 08/2020/HNGĐ-ST ngày 06 tháng 3 năm 2020 của Tòa án nhân dân huyện B bị kháng cáo;

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 47/2020/QĐ-PT ngày 03 tháng 8 năm 2020, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Bà Trần Thị Thanh Q, sinh năm 1987; cư trú tại: Thôn X, ấp T, xã B, huyện B, tỉnh Đồng Nai; có mặt tại phiên tòa.

- *Bị đơn:* Ông Nguyễn Thành L, sinh năm 1978; cư trú tại: Thôn X, ấp T, xã B, huyện B, tỉnh Đồng Nai; có mặt tại phiên tòa.

- *Người kháng cáo:* Ông Nguyễn Thành L - Bị đơn.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

1. Nguyên đơn bà Trần Thị Thanh Q trình bày:

Bà Q và ông Nguyễn Thành L tự nguyện đăng ký kết hôn với nhau năm 2010 tại Ủy ban nhân dân xã B, huyện B, tỉnh Đồng Nai. Quá trình chung sống, thường xảy ra mâu thuẫn do bất đồng quan điểm trong cuộc sống, không quan tâm, chăm sóc lẫn nhau. Nay tình cảm vợ chồng không thể hàn gắn được, bà Q xin ly hôn với ông L.

Về con chung: Có 02 người con chung tên Nguyễn Nhật H, sinh ngày 06/8/2010 và Nguyễn Hoàng Thiên K, sinh ngày 02/5/2015. Ly hôn, bà Q xin được trực tiếp chăm sóc và nuôi dưỡng 02 con. Không yêu cầu ông L cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2. Bị đơn ông Nguyễn Thành L trình bày tại phiên tòa phúc thẩm:

Việc giải quyết vụ án tại cấp sơ thẩm ông không biết nên không cung cấp lời trình bày cho Tòa án.

Về quan hệ hôn nhân: Đúng như bà Trần Thị Thanh Q trình bày. Ông đồng ý ly hôn bà Q.

Về con chung: Có 02 con chung như bà Q trình bày. Ly hôn, ông đề nghị được trực tiếp chăm sóc và nuôi dưỡng 02 con. Không yêu cầu bà Q cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung và nợ chung: Không đề nghị Tòa án giải quyết.

3. Quyết định của cấp sơ thẩm:

Tại Bản án hôn nhân gia đình sơ thẩm số: 08/2020/HNGĐ-ST ngày 06 tháng 3 năm 2020 của Tòa án nhân dân huyện B, đã quyết định:

- Chấp nhận yêu cầu khởi kiện xin ly hôn của nguyên đơn.
- Về quan hệ hôn nhân: Bà Trần Thị Thanh Q được ly hôn với ông Nguyễn Thành L.
- Về con chung: Giao 02 người con chung cho bà Trần Thị Thanh Q trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng. Tạm thời, ông Nguyễn Thành L không phải cấp dưỡng nuôi con chung. Các bên được quyền thay đổi việc nuôi con và cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật.
- Ngoài ra, bản án còn tuyên về án phí và quyền kháng cáo theo luật định.

4. Kháng cáo:

Ngày 16/3/2020, bị đơn ông Nguyễn Thành L có đơn kháng cáo, ông L cho rằng cấp sơ thẩm tổng đạt không hợp lệ nhưng lại giải quyết vắng mặt ông; đồng thời, giao cả 02 con chung cho bà Trần Thị Thanh Q là không phù hợp; do đó, ông L kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm.

5. Phần phát biểu của đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Nai tại phiên tòa phúc thẩm:

5.1. Về việc chấp hành pháp luật tố tụng:

- Tòa án cấp phúc thẩm đã thực hiện đúng các quy định về việc thu thập chứng cứ, việc cấp tổng đạt văn bản tố tụng hợp lệ cho đương sự và chuyển hồ sơ cho Viện kiểm sát cùng cấp nghiên cứu đúng thời gian quy định. Phiên tòa thực hiện đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự, đảm bảo đúng thành phần, vô tư, khách quan và không có trường hợp phải thay đổi người tiến hành tố tụng.

- Việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng: Từ khi thụ lý vụ án cũng như tại phiên tòa hôm nay các đương sự đã thực hiện đúng các quy định tại các Điều 70, 71, 72 và 234 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

5.2. Quan điểm đối với kháng cáo:

Kiểm sát viên đã phát biểu, đánh giá về vụ án. Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 2 Điều 308 của Bộ luật Tố tụng dân sự; chấp nhận một phần kháng cáo của bị đơn, sửa bản án sơ thẩm, giao cháu Nguyễn Hoàng Thiên K, sinh ngày 02/5/2015 cho ông Nguyễn Thành L trực tiếp chăm sóc và nuôi dưỡng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về việc tiến hành tố tụng của cấp sơ thẩm:

- Ngày 03-12-2019, Tòa án nhân dân huyện B thụ lý vụ án “Tranh chấp ly hôn, nuôi con chung”. Thông báo về việc thụ lý vụ án số: 832/TB-TLVA ngày 03-12-2019 không tổng đạt được cho bị đơn (bút lục số 19 và 20); sau đó, trong Biên bản giao giấy triệu tập (không ghi ngày, tháng, năm) gửi Ủy ban nhân dân xã B, huyện B (để nhờ tổng đạt hộ), có ghi thêm nội dung giao “Thông báo thụ lý vụ án” cho người nhận là Hoàng Q1; tuy nhiên, không rõ người nhận tên Hoàng Q1 có chức vụ gì, công tác ở bộ phận nào hoặc có quan hệ như thế nào với người được tổng đạt, không cam kết giao lại hoặc có biên bản thể hiện việc

người nhận tên Hoàng Q1 đã giao lại cho người được tổng đạt. Do đó, việc tổng đạt không đúng theo quy định tại khoản 5 Điều 177 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Giấy khai sinh của con chung phải giải quyết trong vụ án chỉ là bản sao chụp (pho-to-cop-py) từ bản sao (bút lục số 10); Tòa án cấp sơ thẩm không yêu cầu đương sự giao nộp chứng cứ là không phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 95 và khoản 1 Điều 96 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Tại Quyết định phân công số: 832/2019/QĐ-TA ngày 03-12-2019, Chánh án Tòa án nhân dân huyện B phân công Thẩm phán - ông Trần Bá Đức giải quyết vụ án; tuy nhiên, việc thu thập chứng cứ lại do Thẩm phán Nguyễn Thị Hương tiến hành tố tụng (bút lục số 27); vi phạm khoản 3 Điều 48 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Các biên bản niêm yết Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải số 01/TB-TA ngày 17-12-2019 không ghi thời điểm (giờ) bắt đầu, thời điểm kết thúc; xác nhận của Công an xã B, huyện B không ghi ngày, tháng, năm tiến hành việc niêm yết (các bút lục số 30, 31, 32 và 33); vi phạm quy định tại Điều 177 và 179 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Ngày 02-01-2020, Tòa án cấp sơ thẩm tiến hành mở phiên họp lần thứ nhất theo Thông báo số: 01/TB-TA nêu trên, bị đơn vắng mặt. Tòa án cấp sơ thẩm không ban hành thông báo hoãn mà vẫn tiến hành mở phiên họp; sau đó, ban hành quyết định đưa vụ án ra xét xử là vi phạm tố tụng theo quy định tại khoản 1 Điều 207, khoản 1 Điều 208 và khoản 3 Điều 209 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Vào lúc 08 giờ 00 phút ngày 20-02-2020, Tòa án cấp sơ thẩm mở phiên tòa lần thứ nhất, Hội đồng xét xử thảo luận vào lúc vào lúc 09 giờ 00 phút và ban hành Quyết định hoãn phiên tòa số: 05/2020/QĐST-HNGĐ ngày 20-02-2020; tuy nhiên, việc niêm yết quyết định tại nơi cư trú của đương sự lại được thực hiện vào lúc 08 giờ 00 phút cùng ngày là không phù hợp (bút lục số 51).

- Quyết định hoãn phiên tòa nêu trên ấn định thời gian mở phiên tòa vào 08 giờ 00 phút ngày 06-3-2020; việc niêm yết quyết định là chưa đủ 15 ngày theo quy định tại khoản 2 Điều 147, khoản 1 Điều 148 của Bộ luật Dân sự và khoản 3 Điều 179 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Theo trình bày của nguyên đơn bà Trần Thị Thanh Q thì giữa bà Q với ông Nguyễn Thành L có 02 con chung; trong đó, có cháu Nguyễn Nhật H, sinh ngày 06-8-2010. Tại bản tự khai không ghi ngày tháng năm (bút lục số 25),

người tự khai ghi tên Nguyễn Nhật H trình bày: “Sau khi cha mẹ không sống chung với nhau. Con xin được ở với mẹ là Trần Thị Thanh Q”;

Hội đồng xét xử phúc thẩm nhận định như sau:

+ Đoạn 2 khoản 3 Điều 208 của Bộ luật Tố tụng dân sự quy định: “Thẩm phán phải lấy ý kiến của con chưa thành niên từ đủ bảy tuổi trở lên”.

+ Tại điểm d Mục 11 Nghị quyết số: 02/2000/NQ-HĐTP ngày 23-12-2000 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao quy định: “...Tòa án phải hỏi ý kiến người con đó về nguyện vọng được sống trực tiếp với ai”.

+ Công văn số: 61/2002/KHXX ngày 20-5-2002 của Tòa án nhân dân tối cao, hướng dẫn: “...việc hỏi ý kiến của con chưa thành niên từ đủ 9 tuổi trở lên là cần thiết để xem xét nguyện vọng của con...”.

Từ nội dung trên, bản tự khai nêu trên không có xác nhận của bất cứ cơ quan, tổ chức nào và do bà Q nộp cho Tòa án ngày 02-01-2020 là không đảm bảo về mặt khách quan. Tòa án cấp sơ thẩm chưa tiến hành lấy lời khai của cháu Nhật H là chưa bảo đảm được nguyện vọng của con chưa thành niên.

- Ngày 06-3-2020, Tòa án cấp sơ thẩm mở phiên tòa lần thứ hai xét xử vụ án. Các đương sự đều vắng mặt; tuy nhiên, trình tự thủ tục phiên tòa (bút lục số 63) không đúng quy định tại Điều 238 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Kết luận: Cấp sơ thẩm vi phạm nghiêm trọng thủ tục tố tụng, ảnh hưởng đến quyền và lợi ích hợp pháp của đương sự; do đó, chấp nhận một phần kháng cáo của bị đơn, hủy toàn bộ bản án sơ thẩm và giao hồ sơ vụ án cho Tòa án cấp sơ thẩm để giải quyết lại theo thủ tục chung.

[2] Về nội dung:

Do án sơ thẩm bị hủy, cấp phúc thẩm không xem xét về nội dung tranh chấp.

[3] Án phí: Căn cứ khoản 3 Điều 148 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Nghị quyết số: 326/2016/NQ-UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Người kháng cáo không phải chịu án phí hôn nhân gia đình phúc thẩm. Nghĩa vụ chịu án phí sơ thẩm được xác định khi giải quyết lại vụ án.

[4] Đối với quan điểm của đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Nai tại phiên tòa không phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử; nên không được chấp nhận.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 3 Điều 308 và Điều 310 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Chấp nhận một phần kháng cáo của bị đơn ông Nguyễn Thành L.

1. Hủy toàn bộ Bản án hôn nhân gia đình sơ thẩm số: 08/2020/HNGĐ-ST ngày 06 tháng 3 năm 2020 của Tòa án nhân dân huyện B.

2. Chuyển toàn bộ hồ sơ vụ án đến Tòa án nhân dân huyện B, để giải quyết lại vụ án theo thủ tục sơ thẩm.

3. Án phí hôn nhân gia đình phúc thẩm:

Người kháng cáo không phải phải chịu, trả lại cho ông Nguyễn Thành L 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) số tiền tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số: 0007092 ngày 16-3-2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện B.

4. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- Các đương sự (2);
- Tòa án nhân dân huyện B (kèm hồ sơ vụ án);
- Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Nai;
- Chi cục Thi hành án dân sự huyện B;
- Ủy ban nhân dân xã Bình Minh, huyện B;
- Lưu: Hồ sơ vụ án, Tòa Gia đình và Người chưa thành niên, Văn phòng và Thẩm phán (4).

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đã ký và đóng dấu

Nguyễn Văn Thành